

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỰC NINH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 148/2019/HNGĐ-ST

Ngày 08 – 10 – 2019

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Xuân Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Chuyết;

Ông Nguyễn Văn Doanh;

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thanh Hiếu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 93/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2019 về việc “Ly hôn” giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Bùi Xuân T; Sinh năm: 1964; Nơi cư trú: TDP T, thị trấn N, huyện T, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị P; Sinh năm 1970; Nơi cư trú: TDP T, thị trấn N, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Ông T, bà P có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 30/7/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Bùi Xuân T trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị P kết hôn vào ngày 06 tháng 01 năm 1989 được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là Ủy ban nhân dân thị trấn N), huyện T, tỉnh Nam Định. Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường hạnh phúc nhưng từ năm 2015 thì vợ chồng ông phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là tính cách không hòa hợp, thường xuyên cãi nhau. Từ năm 2018, vợ chồng

ông đã sống ly thân. Nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống cùng nhau được nữa. Ông T đề nghị xin được ly hôn với bà P.

Tại bản tự khai đề ngày 26/6/2019 bị đơn bà Nguyễn Thị P trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn và con chung như ông T trình bày. Nhưng về nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T có quan hệ với người phụ nữ khác nên về bỏ vợ. Bà P xác định tình cảm không còn, nhất trí ly hôn ông T. Tại biên bản hòa giải ngày 30/7/2019 bà P không đồng ý ly hôn vì chưa thống nhất về tài sản.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Trọng Đ, sinh ngày 10/01/1990 và Bùi Bích Ph, sinh ngày 27/02/1998. Hiện các cháu đã trưởng thành, ông T, bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, công nợ: Ông T, bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Ông T vẫn giữ quan điểm xin ly hôn bà P. Về con chung đều đã trưởng thành tự lập nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản, công nợ ông đề nghị vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà P vẫn giữ nguyên quan điểm không đồng ý ly hôn với ông T vì vợ chồng không thống nhất được vấn đề tài sản chung, công nợ và bà cũng không cung cấp được những tài liệu, chứng cứ về yêu cầu giải quyết tài sản. Về con chung đều đã trưởng thành tự lập nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện VKSND huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa có ý kiến:

Về thủ tục thụ lý vụ án và các thủ tục tố tụng khác TAND huyện Trực Ninh đã tiến hành đầy đủ đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Bùi Văn T với bà Nguyễn Thị P. Tài sản, công nợ bà P có nêu ra nhưng không có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản cũng như không cung cấp tài liệu chứng cứ về việc giải quyết tài sản nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa - Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là bà Nguyễn Thị P có địa chỉ là TDP T, thị trấn N, huyện T, tỉnh Nam Định. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định áp dụng Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 để thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Ông Bùi Xuân T và bà Nguyễn Thị P có đăng ký kết hôn tại UBND xã T (nay là UBND thị trấn N), huyện T, tỉnh Nam Định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, từ 2018 đến nay ông T, bà P sống ly thân. Nay ông T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà P. HĐXX xét thấy cuộc hôn nhân giữa ông T và bà P đã thực sự tan vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T, như vậy là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là Bùi Trọng Đ, sinh ngày 10/01/1990 và Bùi Bích Ph, sinh ngày 27/02/1998. Hiện các cháu đã trưởng thành ông T, bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Tài sản chung, công nợ: Tại biên bản hòa giải ngày 30/7/2019 Tòa án đã giải thích quyền và nghĩa vụ cho hai bên đương sự và ra quyết định yêu cầu đương sự cung cấp tài liệu chứng cứ thì ông T và bà P nếu có yêu cầu giải quyết về tài sản, công nợ nhưng ông T và bà P không có ý kiến gì, tại phiên tòa bà P yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và công nợ, không xuất trình chứng cứ chứng minh. Do vậy HĐXX không đề cập giải quyết về tài sản, công nợ trong vụ án này. Bà P có quyền khởi kiện về việc phân chia tài sản chung, công nợ chung thành vụ án khác.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Các đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

1. Xử cho ông Bùi Xuân T ly hôn với bà Nguyễn Thị P.

2. Án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Ông T phải nộp án phí 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số BB/2012/04973 ngày 10/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trực Ninh (Ông T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm).

Ông T, bà P được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định: 1 bản
- VKSND huyện Trực Ninh: 2 bản
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh: 1 bản
- UBND thị trấn N: 1 bản
- Đường sự: 2 bản
- Lưu HSVA; VP

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký và đóng dấu)

Mai Xuân Mạnh